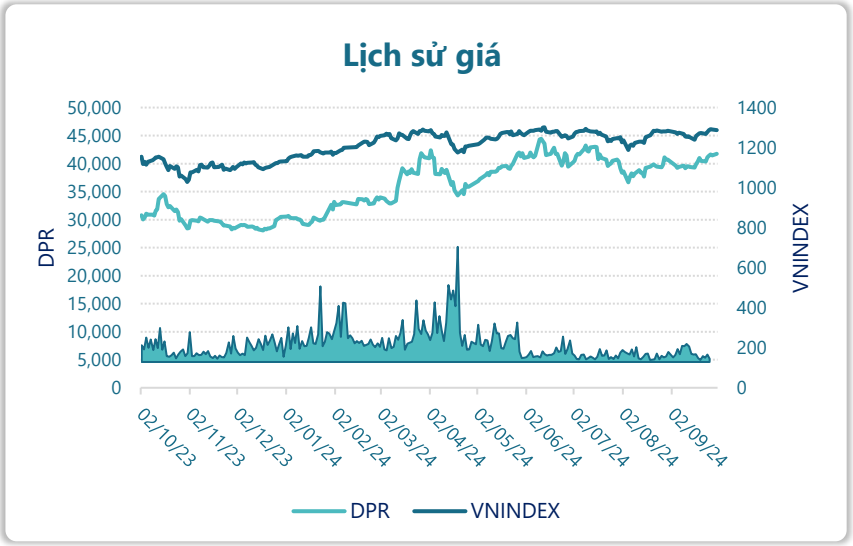
CTCP Cao su Đồng Phú (HSX: DPR)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**43,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	44,419
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,069
SL cổ phiếu LH	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	426,800
% sở hữu nước ngoài	5.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,762
P/E	14.8
EPS	2,931

DT thuần

Q3/24

348

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 115| 49.5%

YoY: ▲ 62.0| 21.8%

LN sau thuế

Q3/24

61.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.3| -23.1%

YoY: ▲ 4.50| 7.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

20.1%

+/- YoY: ▼ 3.7%

DT thuần

9T 2024

768

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 156| 25.5%

LN sau thuế

9T 2024

203

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 48.0| 31.1%

ROE

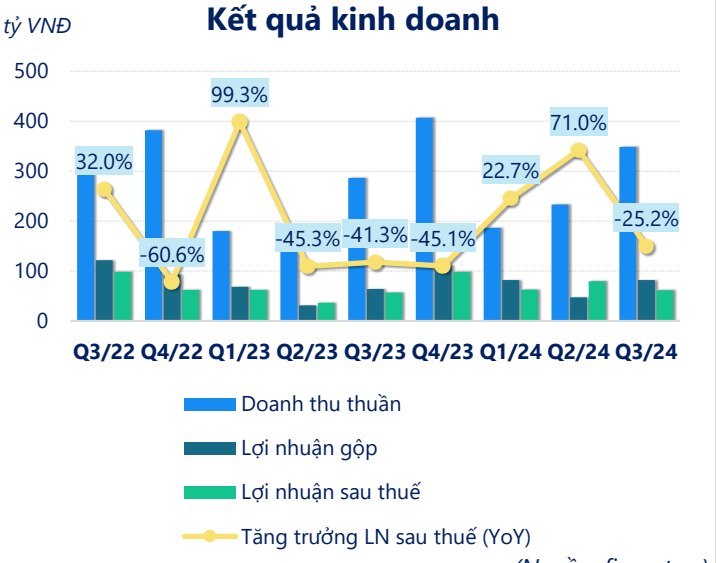
Q3/24

8.0%

+/- YoY: ▲ 2.4%

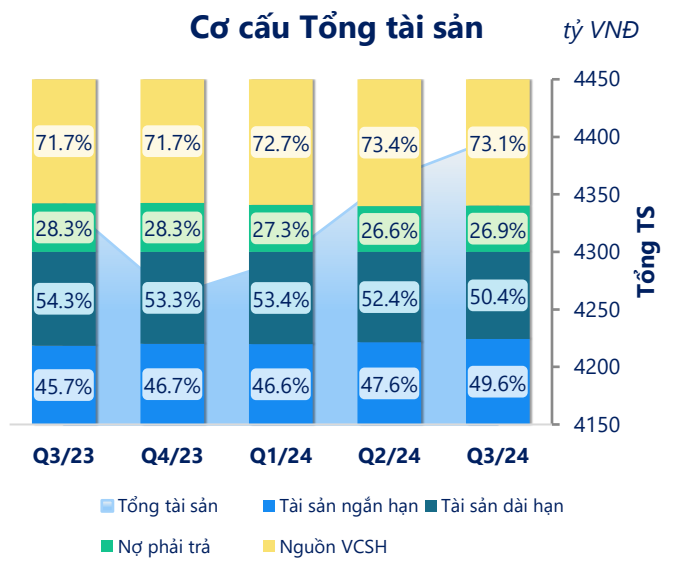
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



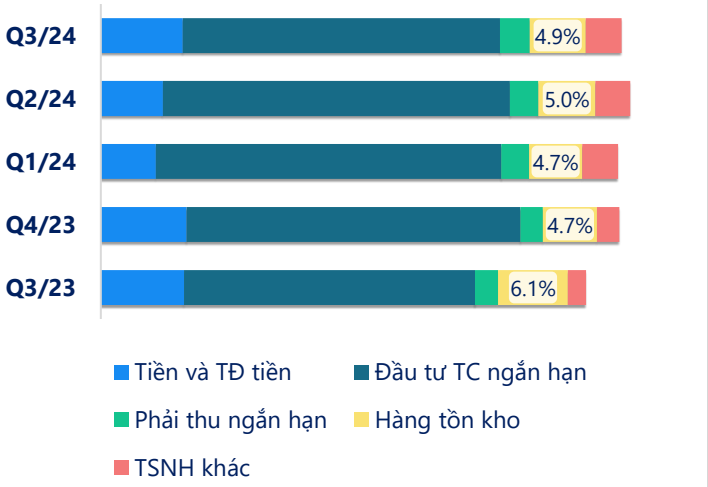
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



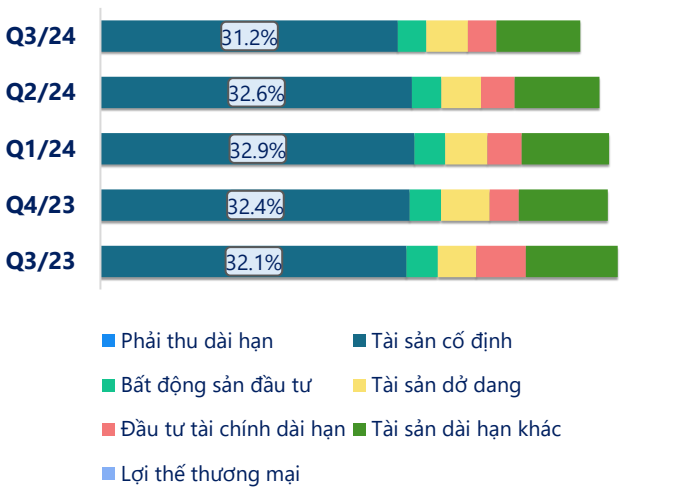
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



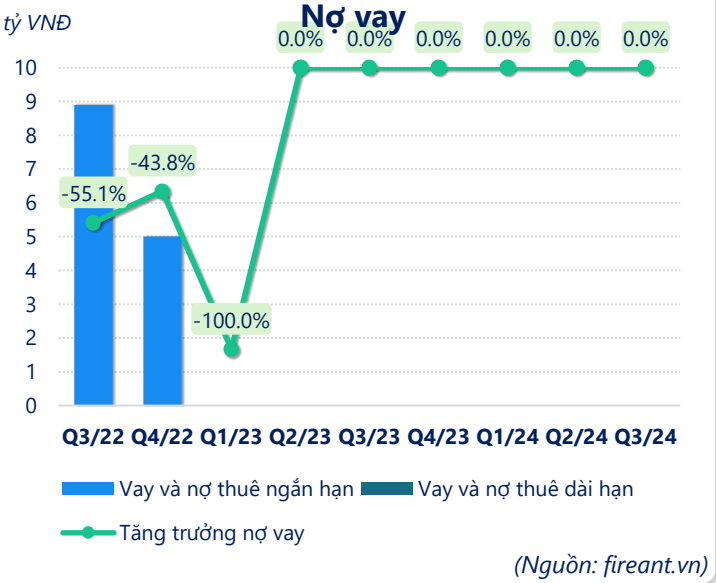
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



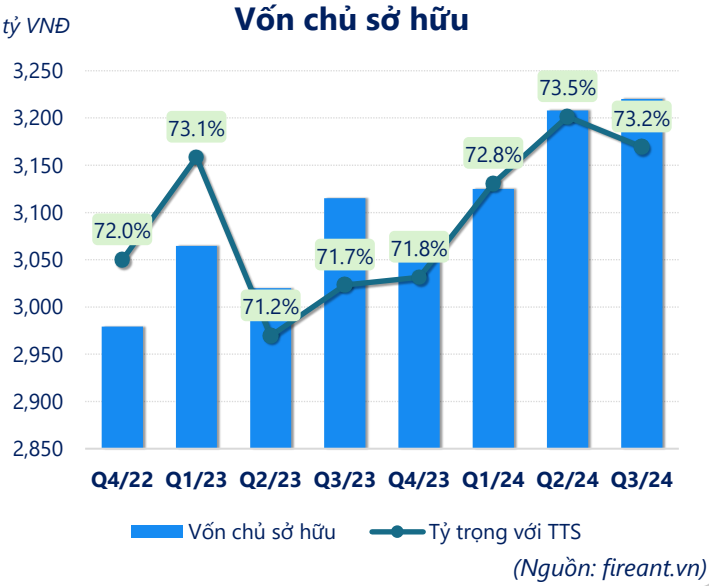
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



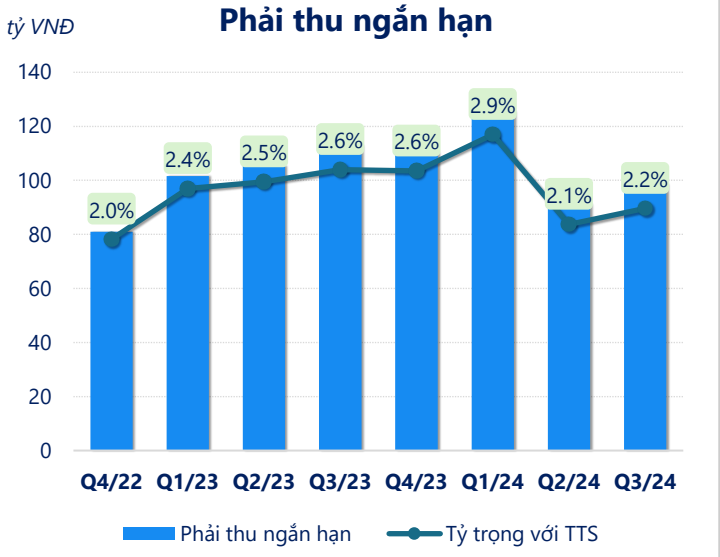
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



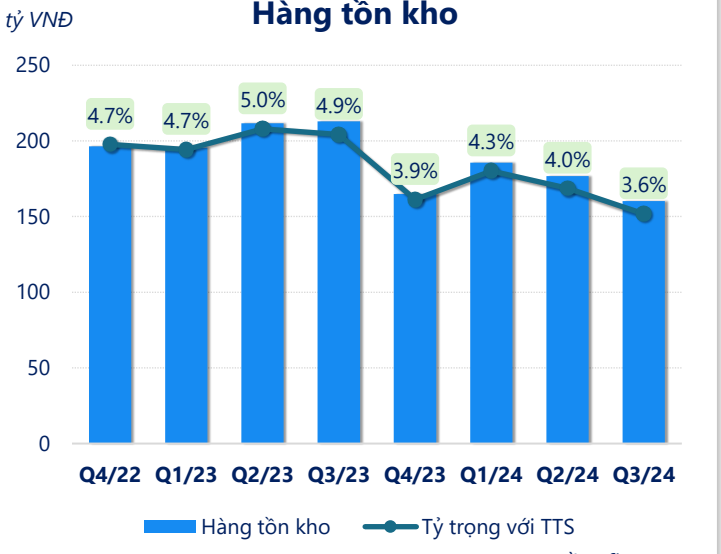
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



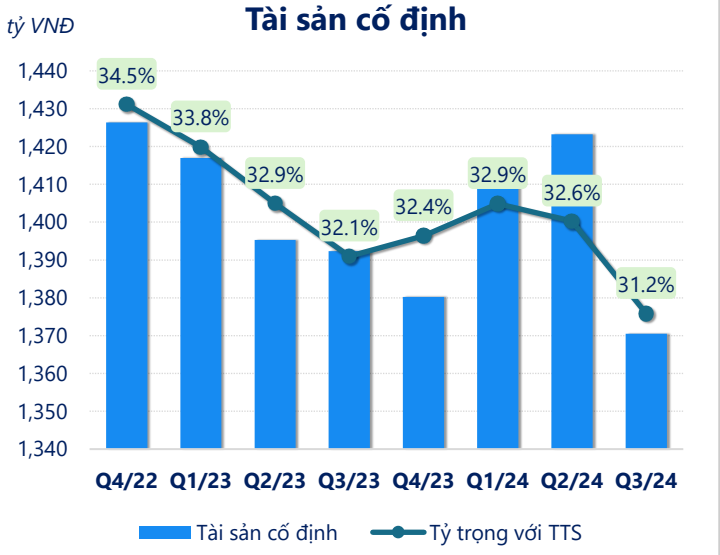
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



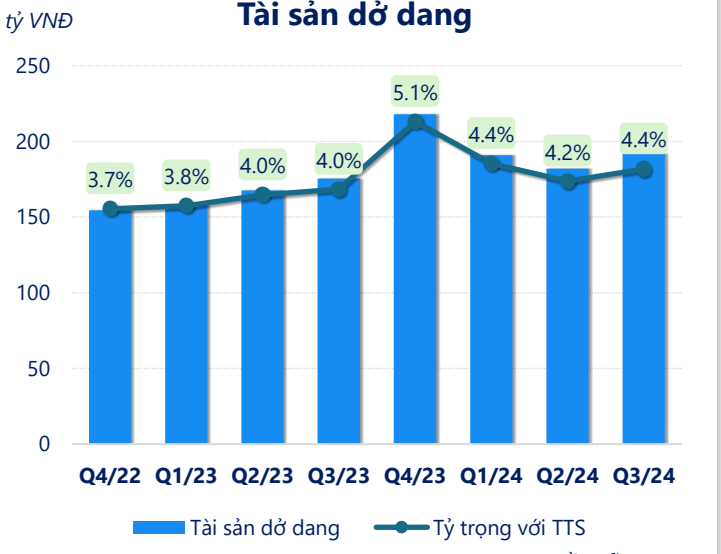
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



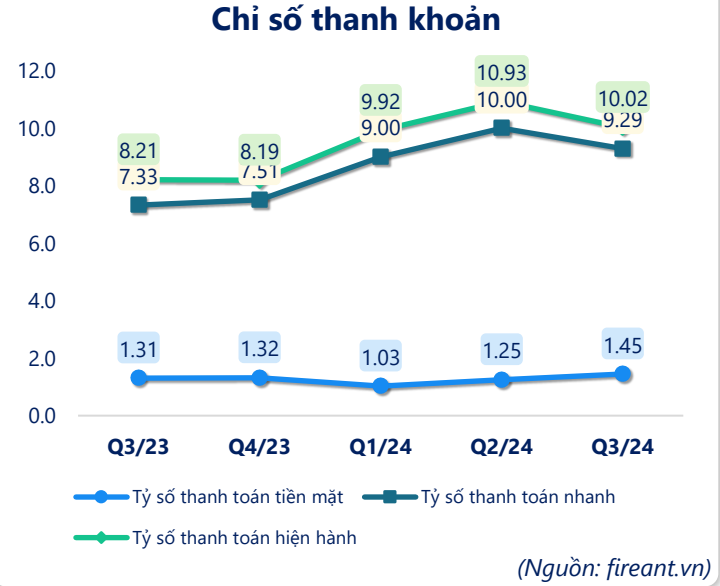
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



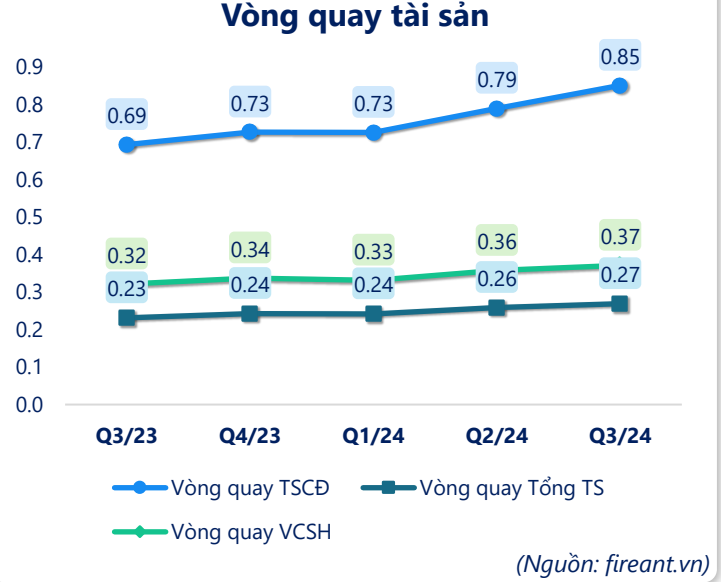
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**4,343**	**4,262**	**4,292**	**4,364**	**4,400**
Tài sản ngắn hạn	**1,984**	**1,991**	**2,000**	**2,077**	**2,183**
Tiền và tương đương tiền	316	320	207	237	316
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,205	1,292	1,366	1,460	1,510
Phải thu ngắn hạn	113	110	125	91.3	98.5
Hàng tồn kho	213	165	186	177	160
Tài sản ngắn hạn khác	136	104	115	112	99.0
Tài sản dài hạn	**2,359**	**2,271**	**2,292**	**2,286**	**2,217**
Phải thu dài hạn	3.55	3.53	3.56	3.61	3.54
Tài sản cố định	1,392	1,380	1,412	1,423	1,370
Bất động sản đầu tư	143	140	138	135	131
Tài sản dở dang	176	218	191	182	192
Đầu tư tài chính dài hạn	225	131	154	154	132
Tài sản dài hạn khác	419	399	394	389	387
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,228**	**1,206**	**1,172**	**1,161**	**1,184**
Nợ ngắn hạn	**242**	**243**	**202**	**190**	**218**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	9.26	5.34	15.4	8.95	9.28
Nợ dài hạn	986	963	970	971	967
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,115**	**3,056**	**3,120**	**3,203**	**3,215**
Vốn chủ sở hữu	**3,115**	**3,061**	**3,125**	**3,208**	**3,220**
Vốn điều lệ	434	869	869	869	869
Kinh phí và quỹ khác	-0.29	-4.88	-4.88	-4.87	-4.87

(Nguồn: fireant.vn)